

Số:02/2020/QĐST-DS

Lục Ngạn, ngày 03 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:53/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm 1963 và bà Mai Thị H, sinh năm 1965.

Đều địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971.

Đều địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thanh toán nợ:

Ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 11/10/2013 và 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 21/7/2016 cho ông Trương Văn L và bà Mai Thị H, theo thời hạn thanh toán như sau:

+ Lần 1: Ngày 30/5/2020 Dương lịch: Ông S, bà Đ thanh toán số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

+ Lần 2: Ngày 30/9/2021 Dương lịch: Ông S, bà Đ thanh toán số tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

Trường hợp ông Sáng, bà Đức vi phạm bất kỳ một phân kỳ trả nợ nào ở trên thì ông Lay, bà Hiền có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ số tiền mà ông Sáng, bà Đức chưa thanh toán.

2.2. Về án phí:

Ông S, bà Đ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 18.150.000 đồng (Mười tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả ông L, bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.200.000 đồng (Mười tám triệu, hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0005736 ngày 04/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Văn Khiết